| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN Q**<br>**THÀNH PHỐ H** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 176 /2022/QĐST-HNGĐ | *Q, ngày 28 tháng 10 năm 2022* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ Hôn nhân gia đình thụ lý số: 158A/2022/TLST-HNGĐ ngày 19/10/2022, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1991, HKTT và nơi ở: Thôn Đ, xã N, huyện Q, thành phố H,

- Bị đơn: anh **Đỗ Danh T**, sinh năm 1987, HKTT và nơi ở: Thôn Đ, xã N, huyện Q, thành phố H,

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20/10/2022.

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị D** và anh **Đỗ Danh T** thuận tình ly hôn.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

2.1. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Danh T, sinh 29/5/2008 và Đỗ Danh TN, sinh 31/10/2010. Ly hôn anh T và chị D thỏa thuận: Giao cả 02 con chung cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác. Chị D có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị D cho đến khi có yêu cầu hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác.

2.3. Về tài sản chung, công sức đóng góp, các khoản vay, cho vay tài sản của vợ chồng: Tự thoả thuận và không yêu cầu toà giải quyết.

3. Về án phí: Chị D tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng)*. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số: 0000392 ngày 18/10/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Q, thành phố H. Trả lại chị D 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
*- Các đương sự;*
*- TAND thành phố H;*
*- VKSND huyện Q;*
*- Chi cục THADS huyện Q;*
*- UBND xã N, huyện Q;*
*- Lưu: hồ sơ.*

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Duy T**